

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 5 -2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Đàm Thị Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị N, sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà: Chị N và anh K đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2025 các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Kiều Thị N trình bày và đề nghị: Chị và anh Trịnh Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường B, huyện D, tỉnh Hà Nam cấp giấy kết hôn ngày 14/01/2012. Vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên hai vợ chồng thường xuyên căng thẳng với nhau. Anh K thường xuyên uống rượu say và về nhà trễ, dùng những lời nói rất quá đáng xúc phạm chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị và 2 con về quê ngoại sinh sống tại Tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên đề

ngợi Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn K.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ sinh ngày 07/08/2016. Hai cháu hiện đang sinh sống cùng chị N và học tại các trường học ở phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị làm tại công ty và buôn bán thêm, thu nhập bình quân 12.000.000đ/tháng. Chị đang mượn nhà của anh trai tại Tổ dân phố G, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Chị có đủ điều kiện kinh tế và sức khỏe để nuôi 2 con.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 31/3/2025, các văn bản tố tụng bị đơn là anh Trịnh Văn K trình bày và đề nghị: Anh và chị Kiều Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2012 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường B, huyện D, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng lục đục. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Chị N về quê ngoại sinh sống. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên anh K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ, sinh ngày 07/08/2016. Hai cháu hiện đang sinh sống cùng chị N. Các cháu ngoan ngoãn, khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị đánh đập bạo hành. Anh đồng ý giao cả 02 con cho chị N nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh làm nghề cơ khí tại địa phương, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 21/4/2025, đại diện UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cung cấp: Chị Kiều Thị N và anh Trịnh Văn K kết hôn năm 2012 tại UBND phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị N đã về quê ngoại sinh sống. Anh K sinh sống tại Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Anh K và chị N có 2 con chung là cháu Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ sinh ngày 07/08/2016. Các cháu đang ở cùng chị N. Về điều kiện nuôi con của chị N, địa phương không nắm được. Anh K làm nghề cơ khí, địa phương không nắm được thu nhập, có sức khỏe, có điều kiện nuôi con.

5. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kê từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 LHNGĐ: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Kiều Thị N và anh Trịnh Văn K; Về con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ sinh ngày 07/08/2016, phần cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Phần tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn anh K cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N, anh K. Tại phiên hoà giải anh K vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa, chị N, anh K đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Kiều Thị N và anh Trịnh Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân phường B, huyện D, tỉnh Hà Nam cấp giấy kết hôn ngày 14/01/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống mà đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị N xin ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Kiều Thị N và anh Trịnh Văn K.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ sinh ngày 07/08/2016. Hai cháu đang sinh sống cùng chị N tại phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung, anh K cũng thống nhất giao các con cho chị N nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu Minh K1, Minh Đ, phù hợp với điều kiện kinh tế, sức khỏe của chị N. HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ sinh ngày 07/08/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Kiều Thị N và anh Trịnh Văn K.

2. Về con chung: Công nhận sự thuận của các đương sự: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Trịnh Minh K1, sinh ngày 03/11/2012 và Trịnh Minh Đ sinh ngày 07/08/2016. Giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh K1 và Minh Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; các đương sự tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: 0004439 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND phường Bạch Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu